

Ý NGHĨA CỦA THỦ ẤN

Biên dịch: HUYỀN THANH

Thủ Ấn (tiếng Phạn là Mudra_ Tiếng Tây Tạng là Phyag-rgya), lại xưng là Ấn Khế, hiện nay thường chỉ các loại tư thế được kết hợp bởi hai bàn tay với các ngón tay của Hành Giả khi tu Pháp Mật Giáo. Dịch âm là Mẫu Đà La, Mộ Nại La, Mẫu Nại La. Hoặc xưng là Ấn Tướng, Khế Ấn, Mật Ấn, hoặc xưng đơn giản là Ấn.

Thủ Ấn của Phật, Bồ Tát với Bản Tôn tượng trưng cho Nguyên Lực đặc thù và Nhân Duyên của Ngài, do đó khi chúng ta cùng với Ngài kết Thủ Ấn tương đồng sẽ có dịp sinh ra lượng sức mạnh của thân thể và lượng sức mạnh của ý niệm. Điều đó hòa chung với trạng thái thân tâm của lượng sức mạnh Bản Vị tu chứng của Phật, Bồ Tát với Bản Tôn, hướng chi là đích tương ứng.

Trong Mật Giáo, Thủ Ấn nhằm chỉ hiện tượng mà các Tôn trong Mạn Đà La Hải Hội dùng để biểu thị Cảnh Giới Tam Muội nội chứng của mình, hoặc người tu hành dùng biểu đạt rõ sự tương đồng với Bản Thể của các Tôn, còn Mật Ấn đã kết ở trên ngón tay của mình thì thuộc về Thân của Bản Tôn, là Thân Mật trong ba Mật: Thân, Ngữ, Ý.

Ba Mật (tiếng Phạn là Trini-gùhyani) là chỉ ba Nghiệp bí mật, tức là **Thân Mật** (Kaya-guhya), **Khẩu Mật** (Vàg-guhya) hoặc xưng là **Ngữ Mật**; **Ý Mật** (Mano-guhya) hoặc xưng là **Tâm Mật** (Citta-guhya), chủ yếu đến từ giáo thuyết của Mật Giáo

Do ba Mật của Đấng **Phật Đà** (Buddha) có tác dụng rất ư nhỏ nhiệm thâm sâu, chẳng phải là nơi suy tư theo kịp, dù là Bồ Tát mười Địa cũng chẳng thể biết rõ hoàn toàn, cho nên xưng là **ba Mật**. Nếu đem tương ứng với ba Nghiệp của chúng sinh thì hay sinh khởi đại dụng chẳng thể nghĩ bàn.

Tuy ba Nghiệp của chúng sinh là nơi Tọa Nhiễm, nhưng vẫn có thể khế hợp với ba Mật của Phật, lại đều nhiếp ở trong đó mà Thể Tính của tự tâm chúng sinh đồng với ba Mật của Phật, tức **Thật Tướng** ba nghiệp của chúng sinh đều là tác dụng của **Pháp Tính** (Dharmata) cùng với ba Mật của Phật bình đẳng không hai, cho nên xưng là ba Mật

Trong ba Mật của chúng sinh, Hành Giả dùng tay kết Ấn Khế của Bản Tôn cho đến tất cả sự nghiệp của việc đi, đứng, ngồi, nằm...đều xưng là **Thân Mật**. Miệng tụng Chân Ngôn cho đến Khẩu Nghiệp của tất cả nhóm ngôn ngữ...đều xưng là **Khẩu Mật**. Trong tâm quán Bản Tôn cho đến tùy theo tất cả Nhân Duyên khởi niệm đều gieo trồng sự nghiệp... đều xưng là **Ý Mật**

Bàn rộng hơn thì **Thân Mật** chẳng phải là chỉ Thủ Ấn để dùng, không luận cách thức nhất định thế nào của Thân Thể đều thuộc ở phạm vi của Thân Mật. Bàn tay của con người rất linh hoạt khéo léo, hay tạo ra đầy đủ các loại dạng thức, có

điều là xây dựng tại sự nhiễm ô đích thực trên sự **Vô Minh** (Avidya). Động lực đã tạo làm đều là đến từ sự tham lam, giận dữ, ngu si, kiêu ngạo, nghi ngờ... Ví dụ như nhân vì sự tức giận mà nắm bàn tay lại đánh người, thậm chí phát triển thành một bộ Quyền Pháp, hoặc nắm chắc khởi vũ khí công kích hàng nhóm người khác, không có điều gì chẳng phải là vâng theo sự Vô Minh để khu động, việc đã tạo làm đưa đến sự nhiễm dính Nghiệp.

Theo nghĩa rộng mà giảng thì hết thủy động tác thuộc thân thể của mỗi con người đều là phạm vi của **Thân Nghiệp**, là mọi điều được khởi làm trong sự nhiễm ô, cho nên chẳng đồng với Thân trong sạch của Phật Bồ Tát

_ **Ba Mật** (tam mật) có thể chia làm hai loại Hữu Tướng (có tướng), Vô Tướng (không có tướng).

Lại **Hữu Tướng Tam Mật** là Phật cùng với chúng sinh trợ nhau dung nhiếp, vào cảnh giới Du Già. Hành Giả: Thân kết Ấn tức là **Thân Mật**, miệng tụng Chân Ngôn tức là **ngữ Mật**, Ý quán Bản Tôn tức là **Ý Mật**. Xưng là **Hữu Tướng Tam Mật**

Vô Tướng Tam Mật là chỉ hết thủy hành vi thuộc **Thân, Ngữ** của Hành Giả, điều mà Tâm của mình đã suy tư đều là Tam Mật. Xưng là **Vô Tướng Tam Mật**.

_ Kinh **Đại Nhật**, quyển 6 (Phẩm **Bản Tôn Tam Muội**): “Ấn Khế có thể chia thành hai loại Hữu Hình (có hình), Vô Hình (không có hình)”

_ **Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển 20 giải thích: “Ấn Hình cũng có hai loại là Hữu Hình, Vô Hình.

Hình tức là màu của nhóm xanh, vàng, đỏ trắng... hình của nhóm vuông, tròn, tam giác... loại của co, duỗi, đứng với nơi đã trụ.

Ấn là Ấn đã cầm tức là loại: đao, bánh xe (luân) sợi dây, chày Kim Cương

Bắt đầu, Tâm phân biệt Duyên mà quán, tức là trước tiên quán **hình vẽ của Tôn**, quy ước theo điều này mà quán thì gọi là **Hữu Hình**. Sau dần dần thuần thực, lại dùng sức gia trì cho nên tự nhiên mà hiện, cùng với Tâm tương ứng. Khi ấy Bản Tôn chỉ theo Tâm hiện, chẳng khác với Duyên bên ngoài, cho nên nói là **Vô Hình** vậy

Còn **Hữu Tướng Tam Mật** là ba Mật của Phật, Bồ Tát, Bản Tôn gia trì ở trên ba Nghiệp của Hành Giả, cho nên xưng là **Tam Mật Gia Trì**.

Vô Tướng Tam Mật là ba Mật của Phật cùng với ba Mật của Hành Giả, tương ứng dung hợp cho nên xưng là **Tam Mật Tương Ứng**”

Mật Tông y theo **Tam Mật Gia Trì, Tam Mật Tương Ứng** này làm tác dụng rộng lớn khiến cho chúng ta hay chuyển thân Phàm Phu mà thành tựu Thân Phật vậy.

Tóm lại là thông qua ba Mật **Thân Ngữ Ý** để tu trì, khiến cho chúng ta **Tức Thân Thành Phật**. Nhân vào điều này cho nên chúng ta nên suy nghĩ lại, dò xét ý

nghĩa thâm sâu đích thực cùng với Hành Tướng của ba Mật **Thân Ngũ Ý** dùng làm Hạnh trước tiên (**tiên hạnh**) của việc tu tập ba Mật.

Bình thường chúng ta nhìn thấy Tượng tô vẽ (đồ tượng), tượng nặn đắp (sóc tượng) của Phật, Bồ Tát, Bản Tôn. Phần lớn dùng vật cầm giữ hoặc Thủ Ấn trên Thân của các Ngài để phán định tên gọi của Tôn ấy.

Thật ra, chẳng kể là Đức Phật **A Di Đà** (Amitàbha-buddha), Đức Phật **Thích Ca Mâu Ni** ('Sàkya-muṇi-buddha), Đức Phật **Bất Động** (Akṣobhya-buddha) hoặc Đức Phật **Dược Sư** (Bhaiṣajjya-guru-buddha) trong quá trình các Ngài trụ ở đời thì Thủ Ấn đã kết có sự tương đồng. Bởi thế dùng Thủ Ấn với vật cầm giữ để pháp đoán tên gọi của Tôn thì chẳng phải là phương pháp phân biệt tuyệt đối.

Nhưng nếu chúng ta xem riêng từng tượng Phật một thì từ Thủ Ấn lại là điều mà có thể dùng để biết rõ nhân duyên Nguyên Lực đặc biệt với hoàn cảnh giác ngộ đặc biệt, cho đến trạng huống đặc biệt khi thành Đạo, lúc nói Pháp của vị ấy

Ví dụ như **Ấn Thuyết Pháp** với **Ấn Tiếp Dẫn** của Đức Phật A Di Đà là một kiểu mà mọi người đều biết rõ. Nhưng thật ra, Thủ Ấn ấy đã từng xuất hiện trên thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng qua là hiện tại chúng ta nắm lấy Thủ Ấn để đặc thù hoá mà thôi. Do Ấn Thuyết Pháp với Ấn Tiếp Dẫn của Đức Phật A Di Đà đặc biệt thường dùng cho nên đã dùng Thủ Ấn này để phân biệt.

Thêm vào đó còn có **Ấn Cửu Phẩm Cửu Sinh**, ấy là khi Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn người **Cửu Phẩm Cửu Sinh** đã hiện bày cảnh giới **Đặc Hữu** (đặc biệt có đầy đủ, hoặc *có riêng lẻ*) là cảnh giới được hiện ra y theo sự thiết yếu của người vãng sinh. Với cách dẫn lối của các Ngài thì chín Thủ Ấn ấy chẳng phải nhất định là như thế, chẳng qua chỉ là sự đặc thù hoá trong Mật Giáo mà thôi

Đức Phật A Di Đà có khả năng tương ứng với nhân duyên, nên ngay lúc tiếp dẫn chúng **sinh Thượng Phẩm Thượng Sinh** thời hiện bày **Pháp Giới Định Ấn** an trụ tại Pháp Tính viên mãn

Hiểu thấu tỏ nhân duyên ấy thì chúng ta có thể chính xác nhận biết được Thủ Ấn.

_ Ở thời Cổ Đại, khi Hành Giả tu Pháp, kết Thủ Ấn thời có những việc cần chú ý như sau:

Tại **Đại Nhật Kinh Sớ**, quyển 13 dẫn thuật Pháp mà Ngài **Thiện Vô Úy** đã nói là: “Pháp **Bí Ấn** ở phương Tây (Ấn Độ) lúc làm thời lại rất cung kính, chủ yếu ở trong Tôn Thất, nơi thanh khiết...nên tắm gội nghiêm thân. Nếu người chẳng mỗi mỗi tắm rửa, ắt nên rửa sạch bàn tay, xúc miệng, dùng hương xoa bôi xoa bàn tay...rồi mới được làm vậy. Lại lúc làm thời nên phải giữ Uy Nghi, ngồi Kiết Già. Nếu chẳng như thế sẽ bị tội khiến cho Pháp chẳng được mau thành”

Đại ý nói: “Lúc kết Thủ Ấn thời ngay trên hoàn cảnh, cần thiết chọn lựa cái Thất sạch sẽ thanh khiết, tắm gội thân sạch sẽ, nghi dung đoan chính, ngồi Kiết Già rồi mới có thể kết Ấn. Nếu không có Pháp: tắm gội thì cần yếu trước tiên làm sạch

bàn tay, xúc miệng, dùng hương xoa bôi bàn tay. Dùng điều này để biểu thị cho ý **cung kính thận trọng**.

Ngoài điều này, trong **Thanh Long Tự Nghi Quỹ** cũng nói: “*Kết Ấn để giao tiếp thì cầu niệm chư Phật gia bị, ắt có thể được Tất Địa*”

Ngoài ra trong Kinh nói: “*Lúc kết Khế Ấn thời chẳng nên ở chỗ hiển lộ*”. Như **Đà La Ni Tập Kinh**, quyển Trung nói: “*Người tác Ấn Chú Pháp ở chỗ lộ thiên sẽ bị Quỷ Thần ác được dịp thuận tiện gây hại*”

Lại nói: “*Ở trước tượng Bản Tôn, tác Ấn thì nên dùng Cà Sa hoặc cái khăn sạch che trùm lên trên*”

Bởi thế ở Nhật Bản, **Đông Mật** thông thường kết Ấn ngay trong Cà Sa hoặc trong ống tay áo của **Pháp Y** (áo Pháp). Chỉ có **Đài Mật** thời không có điều này